

## THÔNG BÁO

### Tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2024 - Khóa 49

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2095/QĐ-ĐHSP ngày 02/11/2021 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Kế hoạch tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2024 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2024, cụ thể như sau:

#### 1. Ngành/Chuyên ngành, chương trình đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Chương trình đào tạo		Chỉ tiêu
			Định hướng NC	Định hướng UD	
1.	8140101	Giáo dục học, gồm các chuyên ngành:			100
		<i>Giáo dục Tiểu học</i>	x	x	
		<i>Giáo dục Mầm non</i>		x	
2.	8140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, gồm các chuyên ngành:			75
		<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán</i>		x	
		<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tin học</i>		x	
		<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý</i>		x	
		<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học</i>	x		
		<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn</i>		x	
		<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý</i>		x	
<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Âm nhạc</i>	x				



Handwritten signature or mark



3.	8140114	Quản lý giáo dục	x	x	150
4.	8440114	Hóa hữu cơ	x		15
5.	8440119	Hóa lý thuyết và hóa lý	x		15
6.	8420101	Sinh học	x		15
7.	8460104	Đại số và lý thuyết số		x	15
8.	8460102	Toán giải tích		x	25
9.	8460113	Phương pháp toán sơ cấp		x	35
10.	8460102	Hệ thống thông tin		x	15
11.	8220121	Văn học Việt Nam	x		15
12.	8229020	Ngôn ngữ học	x		20
13.	8229013	Lịch sử Việt Nam	x		25
14.	8310630	Việt Nam học	x		15
15.	8310401	Tâm lý học	x	x	50
16.	8850101	Quản lý tài nguyên và môi trường		x	15

**2. Phương thức tuyển sinh:** xét tuyển kết hợp với thi đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh). Nguyên tắc xét tuyển xem tại **Phụ lục II**.

### 3. Thời gian và hình thức đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ 18 tháng đến 24 tháng (1,5-2 năm).
- Hình thức đào tạo: chính quy và vừa làm vừa học (thứ Bảy, Chủ nhật).

### 4. Học phí và chính sách hỗ trợ

- Học phí học kì II năm học 2023 - 2024:

\* Khối ngành I (*Quản lý giáo dục, Giáo dục học, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn*): 9.375.000đ/học kỳ/học viên.

\* Khối ngành IV (*Hoá hữu cơ, Hoá lý thuyết và hoá lý, sinh học*): 10.125.000đ/học kỳ/học viên.

\* Khối ngành V (*Đại số và lý thuyết số, Toán Giải tích, Phương pháp toán sơ cấp, Hệ thống thông tin*): 10.875.000đ/học kỳ/học viên.

\* Khối ngành VII (*Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học, Lịch sử Việt Nam, Việt Nam học, Tâm lý học, Quản lý tài nguyên và môi trường*): 9.000.000đ/học kỳ/học viên.

- Lộ trình tăng học phí theo từng năm học thực hiện theo quy định của Nhà nước.

### 5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

#### a) Về văn bằng

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành gần với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Người tốt nghiệp đại học ngành gần phải tham gia học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường;



- Người dự tuyển chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập nghiên cứu;

- Người có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác có thể đăng ký dự tuyển chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng vào ngành “Quản lý giáo dục” hoặc “Quản lý tài nguyên và môi trường” sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường;

Danh mục ngành phù hợp và các học phần phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển trình độ thạc sĩ tham khảo tại website: <http://tuyensinh.ued.udn.vn>.

**Ghi chú:** Bằng đại học, bằng điểm do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và học bổ sung các học phần theo quy định của Trường (nếu có).

**b) Về kết quả học bổ sung kiến thức**

Đối với thí sinh thuộc diện phải học các học phần bổ sung, thí sinh phải đăng ký học tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và có kết quả đạt yêu cầu trước khi xét tuyển.

**c) Về kinh nghiệm công tác chuyên môn**

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác nêu ở điểm a Mục 5 dự thi vào ngành “Quản lý giáo dục” hoặc “Quản lý tài nguyên và môi trường” phải có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi tính từ khi nhận bằng tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự thi, có giấy xác nhận của cơ quan công tác.

**d) Về năng lực ngoại ngữ**

Đạt năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể như sau:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các cơ sở giáo dục thành viên của Đại học Đà Nẵng cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại **Phụ lục I** hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- Thí sinh chưa có văn bằng hoặc chứng chỉ nêu trên sẽ tham gia thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tại Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQĐN và phải đạt năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trước khi xét tuyển (*Quyết định công nhận kết quả thi đánh giá năng lực ngoại ngữ có hiệu lực trong thời gian 24 tháng tính từ ngày ký quyết định đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi*).

DUY  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
SƯ PHẠM  
ĐÀ NẴNG

✓



## 6. Hồ sơ dự tuyển và lệ phí

### a) Hồ sơ dự tuyển:

- Đơn xin dự tuyển;
- Bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm;
- Sơ yếu lý lịch (trong vòng 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);
- Giấy khám sức khỏe (trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);
- Minh chứng ngoại ngữ hợp lệ;
- Minh chứng ưu tiên hợp lệ (nếu có);
- Minh chứng nộp lệ phí dự tuyển;
- Minh chứng nộp lệ phí thi đánh giá năng lực ngoại ngữ (dành cho thí sinh thi đánh giá năng lực ngoại ngữ).

### b) Lệ phí:

Lệ phí xử lý hồ sơ, xét tuyển và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: **1.200.000 đồng/thí sinh/hồ sơ.**

Thí sinh nộp lệ phí theo một trong các hình thức sau:

- Nộp trực tiếp:

Nộp tiền mặt tại Phòng Kế hoạch - Tài chính (A2-203), Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; điện thoại: 0236. 3841323 (109).

- Nộp qua tài khoản:

+ Người thụ hưởng: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

+ Số tài khoản: 56010001161647; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

+ Nội dung chuyển khoản: *Mã ngành đăng ký xét tuyển, họ và tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại và lý do nộp lệ phí.*

## 7. Kế hoạch tuyển sinh

- Nhận hồ sơ: **từ ngày ra thông báo đến hết ngày 31/5/2024 (thứ Sáu).**
- Thời gian thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: **dự kiến 16/6/2024 (Chủ nhật).**
- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: **dự kiến 15/7/2024 (thứ Hai).**
- Thời gian nhập học: **tháng 7/2024.**

## 8. Địa điểm nộp hồ sơ

Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến một trong các địa điểm sau:

1. Phòng Đào tạo (A2-103), Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; số 459, Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; điện thoại: 02363. 3841323 (114).

2. Phòng Đào tạo, Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum, số 704 Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; điện thoại: 0260.6509559 (hoặc liên hệ Bà Nguyễn Thị Hoa, điện thoại: 0934876005).

*Handwritten mark*

### 9. Thông tin liên hệ

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm; số 459, Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; điện thoại: 02363. 3841323 (114). *yl*

#### Nơi nhận:

- Các cơ sở đào tạo SDH, Viện nghiên cứu;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các cơ sở giáo dục đại học, phổ thông;
- Đại học Đà Nẵng (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Các đơn vị có liên quan (thuộc Trường ĐHSP);
- Lưu: VT, ĐT. *cm*



**K. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Phan Đức Tuấn**





## PHỤ LỤC I




(Kèm theo Thông báo số 88 /TB-ĐHSP ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHQGHN)

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL International Certificate ( Aptis ESOL)	Tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
		Vietnamese Standardized Test of English Proficiency	VSTEP.3-5 (4.0)	VSTEP.3-5 (6.0)
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как	ТРКИ-1	ТРКИ-2



	иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)		
--	--------------------------------------------------------------------------	--	-------------------------------------------------------------------------------------

**Lưu ý:**


1. Các chứng chỉ ngoại ngữ hợp pháp gồm:

a) Chứng chỉ được cấp cho người dự thi tại Việt Nam **trước ngày 10/9/2022** (ngày Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài có hiệu lực thi hành);

b) Chứng chỉ được cấp cho người dự thi tại **các địa điểm thi** ghi trong Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ của nước ngoài tại Việt Nam sau ngày phê duyệt (Danh sách cơ sở được phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo <http://moet.gov.vn> và trang thông tin điện tử của Cục Quản lý chất lượng <http://vqa.moet.gov.vn>).

c) Chứng chỉ cấp cho người dự thi trực tiếp ở nước ngoài;

d) Chứng chỉ cấp cho người dự thi theo hình thức **Home Edition trước ngày 10/9/2022**.

2. Các chứng chỉ còn hiệu lực trong thời hạn 24 tháng (tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi); thí sinh phải cung cấp thông tin, minh chứng có liên quan khi cơ sở đào tạo yêu cầu. 

**PHỤ LỤC II**

(Kèm theo Thông báo số 83/TB-ĐHSP ngày 16 tháng 01 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN)

**NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Thí sinh được công nhận trúng tuyển khi thoả mãn các trường hợp sau đây:

1. Đối với từng ngành, ưu tiên xét tuyển theo điểm trung bình tích lũy toàn khoá học ở trình độ đại học (cộng điểm ưu tiên theo đối tượng xét tuyển (nếu có)), xét theo thứ tự Nhóm ngành 1 đến Nhóm ngành 2 và từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu.

2. Trường hợp có nhiều thí sinh đồng hạng vượt quá chỉ tiêu sẽ xét đến năng lực ngoại ngữ của thí sinh thông qua bậc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (sau khi đã được quy đổi).

3. Trường hợp sau khi xét điểm ngoại ngữ nhưng vẫn còn nhiều thí sinh đồng hạng vượt quá chỉ tiêu sẽ xét đến các trường hợp sau:

a. Định hướng ứng dụng: xét thời gian công tác của thí sinh liên quan đến lĩnh vực của ngành đăng ký dự tuyển. Thí sinh không cung cấp minh chứng hoặc minh chứng không hợp lệ sẽ không được xét tuyển.

b. Định hướng nghiên cứu: xét điểm công trình khoa học liên quan đến đề tài/định hướng nghiên cứu của thí sinh.

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời gian qui định của Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN sẽ huỷ kết quả xét tuyển của thí sinh.